

Số: 14/2025/QĐST-DS

Hưng Yên, ngày 19 tháng 9 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào các Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;
Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 11 tháng 9 năm 2025 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 32/2025/TLST-DS ngày 23 tháng 4 năm 2025;

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

-Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần L1 (L2)

Địa chỉ trụ sở chính: L3, số B đường T, Phường T, Quận H, Thành phố Hà Nội (Nay là LPB Tower, số B đường T, phường H, thành phố Hà Nội).

Người đại diện theo pháp luật: Ông Vũ Quốc K - Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hoàng Mạnh H - Phó Giám đốc Khối Quản trị rủi ro kiêm Trưởng phòng xử lý nợ

Người đại diện theo ủy quyền lại tham gia tố tụng: Ông Ngô Quang L - Chuyên viên xử lý nợ L2

-Bị đơn:

Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1969

Bà Chu Thị B, sinh năm 1967

Cùng HKTT: Thôn N, xã L, huyện V, tỉnh Hưng Yên (nay là: Thôn N, xã N, tỉnh Hưng Yên)

-Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Nguyễn Văn K1, sinh năm 1978

Bà Chu Thị H1, sinh năm 1982

Cùng HKTT: Thôn N, xã L, huyện V, tỉnh Hưng Yên (nay là: Thôn N, xã N, tỉnh Hưng Yên).

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về số tiền nợ và trách nhiệm trả nợ:

Các đương sự thống nhất xác định tính đến ngày 11/9/2025, ông Nguyễn Văn T và bà Chu Thị B còn nợ Ngân hàng Thương mại cổ phần L1 số tiền: **480.826.290 đồng** (Bốn trăm tám mươi triệu tám trăm hai mươi sáu nghìn hai trăm chín mươi đồng), bao gồm:

- Tiền gốc: 476.050.000 đồng
- Lãi trong hạn: 4.752.098 đồng
- Lãi quá hạn gốc: 22.021 đồng
- Lãi quá hạn lãi: 2.171 đồng

2.2. Về phương án trả nợ:

Các Đương sự thống nhất phương án trả nợ như sau:

- Ông Nguyễn Văn T, bà Chu Thị B cam kết trả nợ theo tháng, mỗi tháng sẽ trả ngân hàng TMCP L1 số tiền 50.000.000 đồng (*Năm mươi triệu đồng*).

- Thời hạn thanh toán: Trả đều đặn hàng tháng từ tháng 10/2025 cho đến khi thanh toán hết toàn bộ khoản nợ gốc, lãi nêu trên (480.826.290 đồng) và tiền lãi phát sinh trên số tiền nợ gốc tính từ ngày 12/9/2025 cho đến khi thanh toán hết toàn bộ khoản nợ theo các hợp đồng tín dụng mà các bên đã ký kết.

Trường hợp ông Nguyễn Văn T và bà Chu Thị B vi phạm bất kỳ một tháng trả nợ nào như đã thỏa thuận thì Ngân hàng TMCP L1 có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp tại thửa đất số 417, tờ bản đồ số 06, diện tích 97m². Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BE 916990, số vào sổ cấp GCN: CH 00285. Chủ sở hữu là ông Nguyễn Văn K1, sinh năm 1978, Địa chỉ: Thôn N, xã L, huyện V, tỉnh Hưng Yên (nay là: Thôn N, xã N, tỉnh Hưng Yên) để thu hồi khoản nợ theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: HĐTC382202104 ngày 08/01/2021 tại Văn phòng C, tỉnh Hưng Yên mà ông Nguyễn Văn K1, bà Chu Thị H1 đã ký kết với Ngân hàng TMCP L1.

-Trường hợp số tiền thu được từ việc phát mại tài sản bảo đảm không đủ thực hiện nghĩa vụ trả nợ, thì ông Nguyễn Văn T và bà Chu Thị Ba P tiếp tục có nghĩa vụ trả hết nợ cho Ngân hàng TMCP L1 (L2).

2.3. Về án phí: Các đương sự thỏa thuận thống nhất bị đơn là ông Nguyễn Văn T và bà Chu Thị Ba P chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 11.616.500 đồng (*Mười một triệu sáu trăm mười sáu nghìn năm trăm đồng*)

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP L1 số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 15.000.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0003134 ngày 23/4/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Văn Giang (Nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 4, tỉnh Hưng Yên).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hưng Yên
- VKSND Khu vực 4 – Hưng Yên;
- Thi hành án dân sự tỉnh Hưng Yên
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

ĐỖ THỊ THOA